TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**
Số: 44/2018/QĐST – HNGĐ	*Mỏ Cày Nam, ngày 22 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 400/2017/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2017, về việc "Ly hôn" giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Thái Thị Thủy T Sinh năm 1993

Địa chỉ cư trú: Ấp PLH, xã AĐ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn T Sinh năm 1985

Địa chỉ cư trú: Ấp PĐ2, xã AĐ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc T tình ly hôn và thoả T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự T tình ly hôn giữa:

- Chị Thái Thị Thủy T Sinh năm 1993

Địa chỉ cư trú: Ấp PLH, xã AĐ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Anh Trần Văn T Sinh năm 1985

Địa chỉ cư trú: Ấp PĐ2, xã AĐ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Công nhận sự thỏa T của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Trần Thái Anh T, sinh ngày 29/10/2016 do chị Thái Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Thái Thị Thủy T không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T, anh T trình bày không yêu cầu, không giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Chị T, anh T trình bày không có, không giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thái Thị Thủy T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013545 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn đồng) cho chị Thái Thị Thủy T theo biên lai trên và số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng(Hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013544 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu;

Thẩm phán

(Đã ký)

Đỗ Thúy Hằng